

Số: 400 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản  
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019  
của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chính  
phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật  
liệu xây dựng thông thường cung cấp cho dự án đầu tư xây dựng một số đoạn  
đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017-2020 (đã khởi công và sắp khởi công);*

*Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc sửa  
đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ  
về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu  
xây dựng thông thường cung cấp cho dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường  
bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017-2020 (đã khởi công  
và sắp khởi công);*

*Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của  
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử  
dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa  
Thiên Huế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 25/01/2022 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc bổ sung quy hoạch khu vực khoáng sản đất làm vật liệu san lấp vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 41/TTr-STNMT-TN ngày 28 tháng 01 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung khu vực mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế.

*(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017, Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/02/2019, Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 05/12/2019, Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 và Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế không thay đổi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Văn hóa và Thể Thao, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phong Điền và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- Bộ Công thương;
- Bộ Xây dựng;
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP và các CV;
- Công báo tỉnh và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Quý Phương**

## PHỤ LỤC ĐIỂM KHOÁNG SẢN BỔ SUNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 400 /QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	SHQH	Tên mỏ khoáng sản	Địa danh (thôn/làng, xã, huyện)	Tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°)			Diện tích QH (ha)	Mức độ nghiên cứu địa chất	Tài nguyên dự báo	Hiện trạng
				Điểm khép góc	X(m)	Y(m)				
1	QHĐ41	Đất làm vật liệu san lấp	Khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền	M1	1.826.403,05	545.399,17	19,18	Đánh giá	2,0 triệu m <sup>3</sup> đất	khu vực khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền có hiện trạng là 17,10ha rừng trồng thuộc chức năng rừng sản xuất và 2,15ha đất khác
				M2	1.826.419,28	545.347,77				
				M3	1.826.494,23	545.239,99				
				M4	1.826.557,62	545.152,76				
				M5	1.826.695,78	545.117,87				
				M6	1.826.801,25	545.011,46				
				M7	1.826.923,22	545.134,34				
				M8	1.826.941,97	545.400,69				
				M9	1.826.859,30	545.446,40				
				M10	1.826.801,53	545.542,21				
				M11	1.826.637,34	545.781,36				
				M12	1.826.591,35	545.375,34				

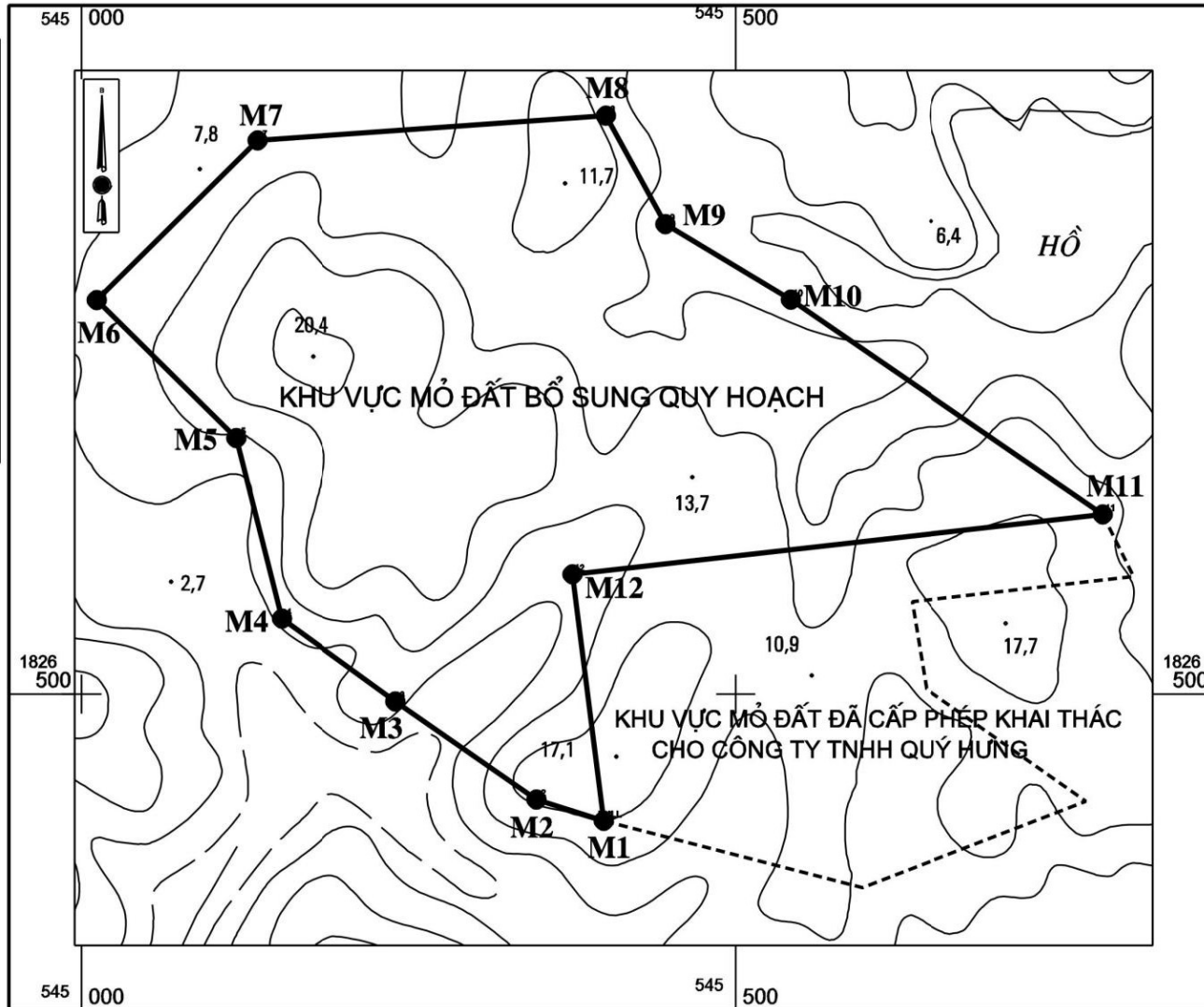
# BẢN ĐỒ KHU VỰC BỔ SUNG QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN

đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 400 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)
M1	1826403.05	545399.17
M2	1826419.28	545347.77
M3	1826494.23	545239.99
M4	1826557.62	545152.76
M5	1826695.78	545117.87
M6	1826801.25	545011.46
M7	1826923.22	545134.34
M8	1826941.97	545400.69
M9	1826859.30	545446.40
M10	1826801.53	545542.21
M11	1826637.34	545781.36
M12	1826591.35	545375.34
Diện tích: 19,18 ha		



CHỈ DẪN

- Ranh giới khu vực bổ sung quy hoạch
- Đường bình độ cơ bản
- Đường bình độ cái
- Mốc và số thứ tự mốc ranh giới khu vực bổ sung quy hoạch
- Sông, suối, đường bờ nước

Tỷ lệ 1:5000